

A top-down view of various medical and traditional medicine items arranged on a light-colored surface. In the center is a black stethoscope. To the left, there are several pills, some in blister packs and some loose. To the right, there are several small bowls containing different types of dried herbs and seeds. A mortar and pestle is visible in the bottom right corner. The overall scene suggests a focus on healthcare and traditional medicine.

Lý luận y học cổ truyền

Người hướng dẫn: Bùi Lan Anh

I. Học thuyết âm dương

- Là học thuyết giải thích sự biến hóa của vạn vật.
- Học thuyết âm dương thuộc triết học duy vật cổ đại phương Đông, là nền tảng tư duy và kim chỉ nam cho thầy thuốc y học cổ truyền.
- Âm dương: danh từ để chỉ hai mặt đối lập trong cùng bản thân, sự vật và hiện tượng.
- Sự tương tác giữa hai mặt âm dương là nguồn gốc của sự vận động, biến hóa và tiêu vong.
- Thuộc tính cơ bản của âm là tối tăm, tĩnh, đục, nặng, lạnh lẽo, tiêu cực, thoái triển, mềm mại, hữu hình,...
- Thuộc tính cơ bản của dương là sáng sủa, động, trong, nhẹ, ấm áp, tích cực, phát triển, cứng rắn, vô hình,...

II. Các quy luật của âm dương

Âm dương đối lập

Âm dương đối lập mà thống nhất trong mọi sự vật và hiện tượng.

Đối lập có nghĩa là mâu thuẫn, chế ước lẫn nhau.

Ví dụ: trên dưới, trong ngoài, vào ra, đồng hóa dị hóa, hưng phần ức chế, mưa nắng, nóng lạnh, trời đất, thiện ác, gầy béo, cao thấp, trắng đen

Đối lập tương đối như khỏe yếu, âm áp

Đối lập tuyệt đối như sống chết, nóng lạnh

Mỗi sự vật hiện tượng đều có hai mặt âm dương và còn có trong âm có dương, trong dương có âm.

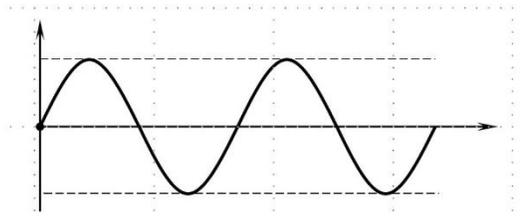
Trong dương có dương và trong âm có âm.

II. Các quy luật của âm dương

Âm dương hỗ căn

- Hỗ là tương hỗ, căn là rễ là gốc.
- Hỗ căn có nghĩa là tương tác, nương tựa, giúp đỡ lẫn nhau trên cùng một gốc.
- Hai mặt âm dương tuy đối lập nhưng phải hỗ trợ lẫn nhau mới tồn tại được.
- Một hoạt động của hệ thần kinh có hưng phấn thì phải có ức chế.

II. Các quy luật của âm dương



Âm dương tiêu trưởng

Nói lên sự vận động không ngừng, chuyển hóa lẫn nhau giữa hai mặt âm dương để duy trì tình trạng thăng bằng, tương đối của sự vật.

Âm và dương không cố định và luôn biến động khi tăng khi giảm theo chu kỳ hình sin.

Âm tiêu thì dương trưởng mà dương tiêu thì âm trưởng.

Vạn vật đều hoạt động theo đồng hồ sinh học từ cực tiểu đến cực đại, rồi từ cực đại đến cực tiểu.

Âm dương biến động đến mức cực đại thì chuyển hóa: âm thành dương, dương thành âm.

Âm cực dương sinh, dương cực âm sinh.

Ví dụ: sốt nóng quá cao -> co giật -> có thể lạnh giá.

Mùa xuân ấm áp -> mùa hè nóng bức -> là quá trình âm tiêu dương trưởng

Mùa thu mát -> mùa đông lạnh lẽo -> là quá trình dương tiêu âm trưởng.

II. Các quy luật của âm dương

Âm dương bình hành

- Là âm dương đối lập hỗ căn tiêu trưởng nhưng bình hành để lập thế cân bằng của hai mặt âm dương.

Bình hành là song song vận hành cùng nghĩa là cân bằng bằng nhau.

Đây là cân bằng động, cân bằng sinh học.

Âm dương bình hành trong quá trình tiêu trưởng và tiêu trưởng phải bình hành.

Ví dụ: 12 giờ đêm thì dương sinh, 12 giờ trưa thì dương cực.

- Sự tương đối và tuyệt đối giữa hai mặt âm dương:

Hàn thuộc âm, đối lập với nhiệt thuộc dương nhưng lại có lương thuộc âm đối lập với ôn thuộc dương.

- Trong âm có dương, trong dương có âm: âm dương nương tựa với nhau để cùng tồn tại có khi xen kẽ nhau để phát triển.

Ví dụ: 6 giờ sáng đến 12 giờ trưa là dương trong dương, từ 12 giờ trưa tới 18 giờ là âm trong dương.

II. Các quy luật của âm dương

Bản chất và hiện tượng

Khi chữa bệnh, người ta căn cứ vào hiện tượng và bản chất bệnh.

Bệnh hàn thì dùng thuốc nhiệt, bệnh nhiệt thì dùng thuốc hàn.

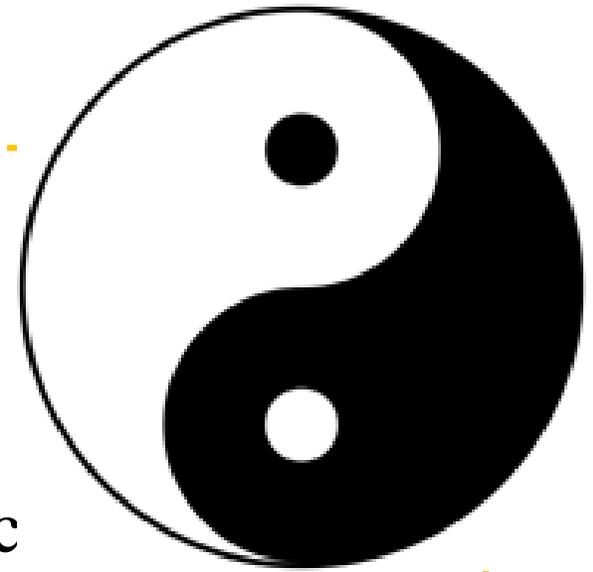
Nhưng cũng có lúc bản chất bệnh không phù hợp với hiện tượng thì gọi là chân giả.

Ví dụ: sốt cao, nhiễm độc dẫn đến trụy mạch ngoại biên, chân tay lạnh, ra mồ hôi giả hàn, phải dùng thuốc hàn để chữa bản chất bệnh.

Biểu tượng học thuyết âm dương

Là hình đồ thái cực gồm:

1. Vòng tròn to: tượng trưng cho thái cực
2. Nửa trắng là dương, nửa đen là âm (lượng nghi).
3. Đường con giữa phần đen và tiếp là đường cong thái cực
 - Vòng tròn nhỏ trắng trong phần đen là dương trong âm (thiếu dương)
 - Vòng tròn đen trong phần trắng là âm trong dương (thiếu âm).
 - Đuôi nhỏ phần đen tiếp với đầu lớn phần trắng biểu hiện dương trưởng âm tiêu, đuôi nhỏ phần trắng tiếp nối đầu lớn phần đen biểu hiện âm trưởng dương tiêu.
 - Phần trắng và phần đen bao giờ cũng bằng nhau biểu hiện âm dương luôn cân bằng trong quá trình tiêu trưởng.



Ứng dụng của học thuyết âm dương

Là nền tảng tư duy của y học cổ truyền
chỉ đạo toàn bộ từ lý luận đến thực tiễn lâm sàng,
từ phòng bệnh đến chữa bệnh,
từ chuẩn đoán đến điều trị, từ dược lý đến bào chế,
từ dùng thuốc đến phương pháp điều trị không dùng thuốc.

3.1: Phân định âm dương trong cơ thể:

	Âm	Dương
Tạng phủ	Tạng: Tâm, Tâm bào, Can, Tỳ, Phế, Thận	Phủ: Tiểu trường, Tam tiêu, Đờm, Vị, Đại trường, Bàng quang
Kinh lạc	Kinh âm: Thiếu âm Tâm, Thận: Thái âm Phế, Tỳ: Quyết âm Can, Tâm bào	Kinh dương: Dương minh vị, Đại trường, Thái dương Tiểu trường, bàng quang; Thiếu dương Đờm, Tam tiêu
Biểu lý	Phần lý: ở trong nội tạng	Phần biểu: ở ngoài, kinh lạc, da cơ
Khí huyết	Huyết	Khí
Triệu chứng	Âm chứng: Thân nhiệt thấp, Mạch nhỏ, chậm Tiếng nói nhỏ, thở yếu	Dương chứng: Thân nhiệt cao, Mạch to, nhanh Tiếng nói to, thở mạnh

3.1: Phân định âm dương trong cơ thể:

Trong tạng có tạng dương, tạng âm.

Một tạng cũng có phần âm phần dương.

Ví dụ:

Trong một ngày từ bình minh đến giữa trưa là dương trong dương,

từ giữa trưa đến chiều tối là âm trong dương,

từ tối đến nửa đêm là âm trong âm,

từ nửa đêm đến sáng là dương trong âm.

3.2 Chẩn đoán bệnh:

Bệnh tật là biểu hiện mất cân bằng âm dương trong cơ thể.

Sự thiếu lệch có thể do một bên quá mạnh, hoặc một bên quá yếu thiếu hụt.

Thiên thịnh gồm: âm thịnh hoặc dương thịnh

Thiên suy gồm: âm suy hoặc dương suy

Âm hư dẫn đến dương hư rồi cả hai đều hư.

Ví dụ:

+ Thiếu ăn lâu ngày, cơ bắp mềm yếu, tiêu hóa hấp thu kém dẫn đến suy nhược toàn thân.

Âm thịnh thì dương suy.

+ Ăn uống quá nhiều sẽ tổn hại đến chức năng tiêu hóa

Chuẩn đoán bệnh là xác định bệnh ở ngoài (biểu) hay ở trong (lý).

Tính chất thuộc hàn hay nhiệt, và trạng thái nhiệt hàn hay hư, xu hướng bệnh là âm hay dương.

3.3 Chữa bệnh:

Nguyên tắc lập lại thể cân bằng âm dương

+ Nếu thiên thịnh (thực chứng) dung phép tả để loại bỏ

+ Nếu thiên suy (hư chứng) dung phép bổ để bù đắp

Hư thì bổ, thực thì tả

Khi điều chỉnh sự thiên thịnh về hàn nhiệt trong cơ thể thì:

Hàn giả nhiệt chi, nhiệt giả hàn chi. Bệnh hàn thì dung thuốc nóng ấm, bệnh nhiệt thì dung thuốc mát lạnh.

Hàn ngộ hàn (tắc tử), nhiệt ngộ nhiệt (tắc cuồng)

Bệnh hàn cho thuốc mát thì mát thêm sẽ gây nguy hại, bệnh nhiệt cho thuốc nóng thì sẽ nóng thêm và gây cuồng sảng.

Khi đã cân bằng âm dương thì ngừng và củng cố duy trì, không nên tiếp tục kéo dài.

Bổ dương nhiều thì sẽ tổn hại đến âm, bổ âm nhiều thì tổn hại đến phần dương.

3.4 Phòng bệnh:

- Là giữ gìn và bồi bổ chính khí.

- Ăn uống:

Đủ dinh dưỡng, đủ chất, chú ý cân bằng hàn nhiệt.

Ăn nhiều cay nóng sẽ thương tổn đến âm dịch.

Nhiều thức ăn lạnh sống sẽ làm thương tổn đến dương khí.

Lao động và nghỉ ngơi hợp lý, thức ngủ điều hòa, rèn luyện thân thể, tập tành xen với tập động, nội công và ngoại công.

Rèn luyện thích nghi với điều kiện sống.

3.5 Chế thuốc

1. Phân định nhóm thuốc:

a. Dương dược:

- Tính: nóng, âm (ôn nhiệt)
- Vị: cay, ngọt, đạm
- Hướng: thăng phù(đi lên trên và ra ngoài)

b. Âm dược:

- Tính: mát, lạnh (hàn, lương)
- Vị: đắng, chua, mặn
- Hướng: giáng, trầm (đi xuống dưới, lắng đọng)

3.5 Chế thuốc

2. Bào chế:

Muốn thay đổi tính dược, mát thành ấm hoặc làm giảm bớt tính mạnh mẽ ta dùng phụ dược có tính đối lập hàn nhiệt để bào chế thuốc.

Dùng lửa hoặc phụ dược có tính nóng như gừng, sa nhân để chuyển vị mát lạnh thành thuốc ấm nóng.

VD:

+ chế sinh địa tính mát thành thực địa tính ấm, ta dùng rượu gừng sa nhân tẩm vào sinh địa rồi chưng sấy nhiều lần sẽ được thực địa.

+ Làm giảm tính lạnh của vị trúc lịch ta phải hòa vào nước gừng

+ Làm bớt tính mát lạnh ta có thể dung lửa sao thuốc cho khô vàng cháy xém..